

Bản án số: 29/2024/HN-ST

Ngày: 05/6/2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đình Khoa
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H**, sinh năm 1981

HKTT: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: 77/17 tổ A, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)

***Bị đơn: Ông Trần Minh H1**, sinh năm 1983

HKTT: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: 77/17 tổ A, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Trần Minh H1 chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/01/2012. Trong quá trình chung sống, những năm đầu, vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận. Từ năm 2018 đến nay, ông H1 lao vào cờ bạc, đánh bài, đá gà, không còn chăm lo cho gia đình, bỏ mặc vợ con, thiếu trách nhiệm. Bà H đã khuyên nhủ hết lời nhưng ông H1 không thay đổi ngược lại còn chửi bới, dọa nạt, khủng bố tinh thần vợ con mỗi khi vợ không đưa tiền cho ông. Từ khi ông H1 sa đà vào thú vui không lành mạnh, một mình bà H phải bươn chải lo cho con cái, gia đình. Không thể tiếp tục chịu đựng cuộc sống như thế, bà và ông H1 đã sống ly thân hơn một năm nay nhưng tình trạng hôn nhân không có sự cải thiện. Vì vậy, bà khởi kiện ông H1, yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh H1.

Về con chung: Bà H xác định bà và ông H1 có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 31/3/2008 và Trần Phạm Thùy V, sinh ngày 28/10/2013. Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 10/5/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn trình bày:

Ông và bà Phạm Thị H chung sống với nhau từ năm 2007. Trước đây, nơi đăng ký hộ khẩu của bà H ở xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và vì lý do ban đầu, cuộc sống vợ chồng nhiều khó khăn nên chưa có điều kiện về quê làm giấy tờ để đăng ký kết hôn. Đến năm 2012, ông bà mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống, thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường. Từ thời điểm dịch bệnh COVID xảy ra, ông H1 mất việc, thất nghiệp, buồn chán nên sa đà vào ăn chơi khiến vợ chồng lục đục. Ông H1 thừa nhận trong lúc nóng nảy, ông có nặng lời chửi vợ. Mấy tháng gần đây, vợ chồng không còn ở chung do mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân, ông đã nhắn tin, gọi điện xin lỗi vợ nhưng vợ ông không chấp nhận. Ông H1 đã biết bản thân mình sai, ông rất hối hận. Ông thiết tha vợ bỏ qua, cho ông cơ hội để sửa chữa nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H1 xác định có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 31/3/2008 và Trần Phạm Thùy V, sinh ngày 28/10/2013. Hiện nay, các con đều đang ở với bà H. Trường hợp ly hôn, ông H1 đồng ý nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho bà H vì công việc của ông bấp bênh, không có thu nhập ổn định, không có khả năng nuôi con. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng cho con, ông H1 cũng không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 18/3/2024, bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Trần Minh H1; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn, con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị H và ông Trần Minh H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình bày của bà H và ông H1 đều có thể xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 sa đà vào những thú vui thiếu lành mạnh, thiếu trách nhiệm với vợ con, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế gia đình, hạnh phúc vợ chồng. Hai vợ chồng ông bà đã không còn sống chung được nữa nay.

Tòa án đã tiến hành mời các bên đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông H1, bà H nhằm mục đích đoàn tụ gia đình nhưng không thể hòa giải được do ông H1 không chịu thay đổi khiến bà H cương quyết yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình đã quy định về “Tình nghĩa vợ chồng” là “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.” Việc ông H1 vương vào cờ bạc, nợ nần, bỏ bê vợ con được xem là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ đó xác định yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1 là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông H1 và bà H đều xác định có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 31/3/2008 và Trần Phạm Thùy V, sinh ngày 28/10/2013, ngoài ra không có con nuôi. Trường hợp ly hôn, ông H1 và bà H thống nhất giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không cấp dưỡng cho con. Sự thỏa thuận của ông bà phù hợp với nguyện vọng của các con chung và hoàn cảnh thực tế của gia đình ông bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 2, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H ly hôn với ông Trần Minh H1.

2. Về con chung: 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 31/3/2008 và Trần Phạm Thùy V, sinh ngày 28/10/2013. Giao hai con chung cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Minh H1 không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001073 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà H đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (05/6/2024); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND X.Cẩm Giàng, h. Cẩm Thù, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Chu Thị Thanh Tâm